

Bản án số: 137/2021/HS-ST
Ngày 21-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Mai

Ông Hà Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 37/2021/HSST ngày 25 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 4 năm 2021, Thông báo về việc rời ngày xét xử số: 07/2021/TB-TA ngày 12-4-2021 đối với các bị cáo:

1. Võ Minh T1, sinh năm 1998 tại B Dương; Hộ khẩu thường trú: đường BG, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở trước khi bị bắt: đường VTS, Phường ThT, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 0/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Ngọc Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bích V (sinh năm 1971); Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 08-11-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 144/2018/HSPT. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30-8-2019.

Bị bắt ngày 29-9-2020. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V.

2. Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1994 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: đường LL, Phường ThN, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr (sinh năm 1972) và bà Mai Thị Thu H (sinh năm 1975); Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 21-02-2011, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 7 năm tù về tội “Giết người” theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 12/2011/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 30-8-2013.

Bị bắt ngày 29-9-2020. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V.

(Bị cáo T2, bị cáo T1 có mặt).

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn Qu, sinh năm 1985.

Địa chỉ: số B1 đường LPh, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Chị Trần Thị Lệ H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số M đường BG, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

3. Anh Trần Duy Kh, sinh năm 1992.

Địa chỉ: đường HTrCC, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Xuân Ch, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số S đường TrVB, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Thị Ánh Ch1, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số N đường NBKh, Phường ThT, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

6. Chị Trần Thúy Ch2, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số N đường NBKh, Phường ThT, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

7. Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1979 và chị Cao Thị H, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số CB đường PCTr, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (anh Hữu vắng mặt, chị Hiền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Việt A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: đường NAN, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

2. Chị Đ Thị Ngọc Tr, sinh năm 1992.

Địa chỉ: đường TrCĐ, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

3. Anh Phạm Đức Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: đường TrCĐ, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1991; địa chỉ: đường CMTr, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm ngày 10-9-2020, Nguyễn Ngọc T2, Võ Minh T1, Phạm Xuân Tr (sinh năm 1989, địa chỉ: đường TrĐ, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) và Phạm Văn T (sinh năm 1987; địa chỉ: xã ĐL, thành phố ThH, tỉnh Thanh Hóa) đang ở nhà nghỉ PH, đường NgVH, Phường H, thành phố V thì T rủ T2 và T1 đi trộm cắp tài sản. Cả hai đồng ý, riêng Tr không biết và không tham gia cùng.

Lúc này T1 điều khiển xe Vision màu đỏ, không rõ biển số xe (xe của T) chở T, còn T2 điều khiển xe Vision màu trắng, biển số 72C-467.44 đi một mình. Đến rạng sáng ngày 11-9-2020, khi đi ngang qua nhà anh Nguyễn Văn Qu tại địa chỉ số B1 đường LHPH, Phường B, thành phố V thấy cửa nhà đang hé mở, T nói T2 và T1 dừng xe đứng cạnh giới, còn Tuấn xuống xe đi bộ tới rồi trèo vào nhà trộm cắp tài sản. Khoảng 15 phút sau, T mở cổng và dắt ra một xe máy, T1 và T2 nghe tiếng cửa cổng mở và tiếng động cơ xe máy từ trong căn nhà trên chạy ra, biết T đã trộm cắp được tài sản nên T2 và T1 điều khiển xe đến tiệm Circle K kế cây xăng đường NKKN mua nước uống chờ điện thoại của T. Khoảng 30 phút sau, T gọi điện thoại cho T2 nói chạy lên vòng xoay khu vực 18 tầng gặp một người tên T3 (không rõ lai lịch) nhận tài sản. T2 và T1 điều khiển xe đi tới gặp T3, tại đây T3 đưa cho T2 02 điện thoại di động (gồm 01 điện thoại di động hiệu Samsung A20 màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J2 Prime) và 01 laptop hiệu Dell màu xám. Sau đó, T2 và T1 điều khiển xe Vision màu trắng đi về lại nhà nghỉ, để lại xe Vision màu đỏ cho T3 mang về trả cho T. Đến khoảng 08 giờ ngày 11-9-2020, T đi xe Vision đỏ đến nhà nghỉ PH gặp T2 và T1, T cho thêm mỗi người 1.000.000 đồng. Sau đó, T2 và T1 đem chiếc laptop nhãn hiệu Dell đến phòng trọ đường TrĐ, Phường B, thành phố V cho Đ Thị Ngọc Tr (tên gọi khác là Nh, sinh năm 1992; địa chỉ: đường TrCĐ, Phường B, thành phố V). Điện thoại Samsung A20, T1 đem đến tiệm cầm cho anh Phạm Đức Đ (sinh năm 1998, địa chỉ: đường TrCĐ, Phường B, thành phố V) là nhân viên quản lý đồ PA1, địa chỉ: đường TrCĐ, Phường B, thành phố V cầm với số tiền 1.000.000 đồng, T2 cũng đem chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J2 Prime đến tiệm cầm đồ PA1 cầm cho anh Phạm Đức Đ với số tiền 500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 174/KL-HĐĐG-TTHS ngày 06-10-2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự của UBND thành phố V kết luận: xác định tổng giá trị tài sản anh Qu bị chiếm đoạt là 33.750.000 đồng.

Ngoài vụ trộm cắp tài sản trên, T1 và T2 còn khai cùng T thực hiện một số vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố V, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào rạng sáng ngày 26-8-2020, T1 và T2 đang ở khách sạn R, địa chỉ: đường PHI, Phường H, thành phố V thì T đến rủ cả hai cùng đi trộm cắp tài sản. T1 chở T bằng xe Vision màu đỏ, T2 đi một mình bằng xe Vision màu trắng biển số 72C1-467.44. Sau khi đi quanh các tuyến đường, đến trước nhà chị Trần Thị Lệ H, sinh năm 1983, địa chỉ: Số M đường BG, Phường T, thành phố V, T leo rào vào trong còn T1 và T2 đứng bên ngoài cạnh giới. Sau đó T leo trở ra rồi cùng nhau quay về khách sạn R. T lấy ra trong túi áo và túi quần nhiều xấp tiền gồm tiền Việt Nam và tiền đô la Mỹ để đếm rồi nói với T1 và T2 được số tiền khoảng 300.000.000 đồng. T chia cho T2 và T1 mỗi người 100.000.000 đồng, còn số đô la Mỹ thì T giữ. Chị H cho biết tài sản bị thiệt hại gồm 280.000.000 đồng và 1000 USD. T2h theo tỷ giá USD ngày 26-8-2020 thì 1USD = 23.085 VNĐ. Tổng giá trị tài sản chị H bị chiếm đoạt là 280.000.000 đồng + 23.085.000 đồng = 303.085.000 đồng.

Vụ thứ hai: Rạng sáng ngày 13-9-2020, T1 và T2 đang ở khách sạn R, T đến rủ cả hai cùng đi trộm cắp tài sản. T1 chở T bằng xe Vision màu đỏ, T2 đi một mình bằng xe Vision màu trắng biển số 72C1-467.44, khi đến trước địa chỉ số S đường TVB, Phường B1, thành phố V là nhà hàng của anh Trần Duy Kh, (địa chỉ: đường NAN, Phường B1, thành phố V) T leo rào vào trong còn T2 và T1 đứng bên ngoài cảnh giới. Khoảng 15 phút sau, T1 và T2 thấy T leo trở ra ôm theo một thùng sắt đựng tiền màu đen, hình vuông rồi cùng nhau quay về khách sạn R. Sau đó, T đem thùng sắt đi phá rồi quay lại về phòng khách sạn nói lấy được khoảng 20.000.000 đồng. T chia cho T2 và T1 mỗi người 5.000.000 đồng, số tiền còn dư cả nhóm mua ma túy cùng nhau sử dụng hết. Quá trình điều tra, anh Trần Duy Kh cho biết tài sản bị thiệt hại là 01 điện thoại di động hiệu Iphone là tài sản của anh Nguyễn Xuân Ch, là nhân viên của nhà hàng và số tiền 23.331.000 đồng để trong khay đựng của máy tính tiền. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành cho Võ Minh T1, Nguyễn Ngọc T2 xem lại đoạn video thu từ camera tại nhà Số S đường TrVB, T1 và T2 xác định hình ảnh đối tượng vào nhà trộm cắp tài sản chính là T. Chiếc điện thoại T cầm trên tay là tài sản T trộm được do T1, T2 không thấy T sử dụng chiếc điện thoại trên trước đó.

Tại Kết luận định giá tài sản số 188/KL-HĐĐG-TTHS ngày 14-10-2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự của UBND thành phố V thì giá trị còn lại của chiếc điện thoại Iphone 6 là 1.500.000 đồng. Vậy tổng giá trị anh Kh và anh Ch bị chiếm đoạt là 24.831.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào rạng sáng ngày 17-9-2020, T2 đang ở khách sạn Rio cùng T1 thì T đến rủ đi trộm cắp tài sản nhưng T1 không tham gia. Sau đó T2 chở T bằng xe Vision màu đỏ của T đi ngang qua phòng trọ của Nguyễn Thị Ánh Ch1 và chị Trần Thị Thúy Ch2 cùng trú tại địa chỉ Số N đường NBKh, Phường ThT, thành phố V, thấy cửa trên lầu một mở nên T nói T2 đứng cảnh giới cho T leo rào vào bên trong. Khoảng 15 phút sau, T leo trở ra rồi lên xe T2 đã chờ sẵn, cả hai sau đó quay về phòng khách sạn R, T lấy tiền vừa trộm ra đếm rồi nói cho T2 là lấy được 1.600.000 đồng, 01 đồng hồ Apple watch, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X. Tài sản chiếm đoạt được, T chia cho T2 600.000 đồng, còn điện thoại và đồng hồ T giữ sử dụng. Đến chiều cùng ngày, T đến đón T2 cùng đi đến cửa hàng sửa chữa điện thoại di động tại đường CMTr, Phường T, thành phố V để bẻ khóa chiếc điện thoại trên. Tại cơ quan điều tra chị Ch1 khai bị mất 2.700.000 đồng, chị Ch2 khai bị mất 3.800.000 đồng, 01 đồng hồ Apple watch và 01 điện thoại di động hiệu Iphone X.

Tại Kết luận định giá tài sản số 201/KL-HĐĐG –TTHS ngày 03-11-2020 của Hội đồng định giá tài sản thì chiếc điện thoại và đồng hồ có giá trị 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Vậy tổng giá trị tài sản chị Ch1 và chị Ch2 bị chiếm đoạt là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Vụ thứ tư: Rạng sáng ngày 18-9-2020, T1 và T2 đang ở khách sạn R thì T tiếp tục đến rủ cả hai cùng đi trộm cắp tài sản, T1 chở T bằng xe Vision màu đỏ, T2 đi một mình bằng xe Vision màu trắng biển số 72C1-467.44. Khi đến trước nhà chị Cao Thị H, anh Trịnh Văn H tại địa chỉ: Số CB đường PCTr, Phường H, thành

phố V, thấy cửa ban công mở nên cả nhóm thống nhất đột nhập lấy tài sản, T leo rào vào trong nhà còn T1 và T2 đi ra đầu hẻm đứng canh giới. Khoảng 20 phút sau, T leo trở ra cầm 01 túi xách màu đen và 01 túi xách T đeo trên người, sau đó cùng nhau chạy ra hướng biển bãi sau. T lục túi xách lấy tiền và nói trộm được 02 điện thoại di động cảm ứng, 01 đồng hồ đeo tay rồi vắt tất cả giỏ xách lại, khi quay về phòng khách sạn Rio, T chia cho T1 và T2 mỗi người 8.000.000 đồng, còn điện thoại và đồng hồ T giữ sử dụng. Chị Cao Thị H cho biết tài sản bị thiệt hại là 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Samsung S7 màu đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung M20 trắng; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Michael Kors màu đồng; 03 túi xách thời trang hiệu Coach (thực tế là 02 túi xách và 01 ví da để bên trong túi xách), tiền mặt 4.000.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân.

Tại Kết luận định giá số 195/KL-HĐĐG-TTHS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự của UBND thành phố V vào ngày 19-10-2020 thì trị giá 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, 01 điện thoại di động hiệu Samsung S7 màu đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung M20 trắng; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Michael Kors màu đồng; 03 túi xách thời trang hiệu Coach (thực tế là 02 túi xách và 01 ví da để bên trong túi xách) là 14.100.000 đồng, tổng giá trị tài sản chị Hiền, anh Hữu bị chiếm đoạt là 18.100.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra T2 và T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như trên.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố V thu giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng như sau:

+ Chiếc xe Honda Vision màu trắng, biển số 72C1-467.44, số máy: JF33E0478154, số khung: JF3319DY397983 tạm giữ từ anh Trần Việt A, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe trên cho anh Trần Việt A.

+ 01 máy T2h hiệu Dell-Latitude E4310, màu xám thu giữ từ chị Đ Thị Ngọc Tr. Cơ quan điều tra xác định đây là chiếc máy T2h của anh Qu đã trình báo bị mất trộm vào ngày 11-9-2020 nên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc máy tính trên cho anh Qu.

+ 01 Điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A20, số imel 1: 355039100248102/01, số imel 2: 355040100248100/01 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2, số imei 1: 354802094444735/01, số imei 2: 354802094444733/ chưa xác định được chủ sở hữu và 02 giấy hợp đồng cầm đồ 01thu giữ từ Phạm Đức Đ, đã chuyển cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố V quản lý.

+ 01 Điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J2 Prime màu vàng, số imei: 352405099167996/01 thu giữ từ anh Nguyễn Thanh B, chưa xác định được chủ sở hữu, đã chuyển cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố V quản lý.

Trách nhiệm Dân sự:

- + Chị Trần Thị Lệ H yêu cầu bồi thường dân sự số tiền 300.000.000 đồng.
 - + Anh Nguyễn Văn Qu không yêu cầu bồi thường thiệt hại.
 - + Anh Trần Duy Kh và anh Nguyễn Xuân Ch không yêu cầu bồi thường thiệt hại.
 - + Chị Trần Thị Thúy Ch2 và Nguyễn Anh Ch1 yêu cầu bồi thường số tiền và tài sản theo giá trị đã định giá đối với tài sản bị chiếm đoạt.
 - + Anh Trịnh Văn H và Cao Thị H yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền và tài sản theo giá trị đã định giá đối với tài sản bị chiếm đoạt là 18.100.000 đồng.
 - + Anh Phạm Đức Đ không yêu cầu bồi thường.
 - + Anh Nguyễn Thanh B không yêu cầu bồi thường thiệt hại.
- Tại Cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 24-2-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố Võ Minh T1 và Nguyễn Ngọc T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g, h Khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Minh T1 từ 8 (Tám) năm đến 9 (Chín) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù T2h từ ngày 29 tháng 9 năm 2021.

+ Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm b, g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T2 từ 9 (Chín) năm đến 10 (Mười) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù T2h từ ngày 29 tháng 9 năm 2021.

Đối với Phạm Văn T cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm và tiếp tục xác minh, điều tra. Khi nào bắt được sẽ xử lý theo quy định của Pháp luật.

Đối với Phạm Đức Đ, Nguyễn Thanh B và Đ Thị Ngọc Tr không biết tài sản các bị cáo mang đến cầm cố là tài sản do trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm Hình sự.

+ Về xử lý vật chứng: Giao cho công an thành phố V 03 điện thoại di động, gồm: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A20, màu đen, màn hình đã vỡ, số imel 1: 355039100248102/01, imel 2: 355040100248100/01; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J2, màu đen, imel 1: 354802/09/444473/5, số imel 2: 354803/09444473/3; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J2, màu vàng màn hình đã vỡ, imel 1: 352405/09/916799/6, số imel 2: 352406/09/916799/4 và 02 (hai) giấy hợp đồng cầm cố có số 26993 và 26893 để xử lý theo quy định.

+ Về trách nhiệm Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T2 bồi thường cho các bị hại số tiền, cụ thể như sau: Chị Trần Thị Lệ H 150.000.00 đồng, anh Trịnh Văn H và chị Cao Thị H

9.050.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ánh Ch1 2.700.000 đồng, chị Trần Thúy Ch2 số tiền 11.800.000 đồng.

Buộc bị cáo Võ Minh T1 bồi thường cho các bị hại số tiền, cụ thể như sau: Chị Trần Thị Lệ H 150.000.000 đồng, anh Trịnh Văn H và chị Cao Thị H 9.050.000 đồng.

- Bị cáo T2 và bị cáo T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời nói sau cùng, các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội, xin lỗi các bị hại và xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa bị cáo T2 và bị cáo T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 16-8-2020 đến ngày 18-9-2020, lợi dụng sự sơ hở của các bị hại, bị cáo T2, bị cáo T1 và Phạm Văn T đã có hành vi lén lút để thực hiện bốn vụ chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào rạng sáng ngày 26-8-2020, tại trước nhà chị Trần Thị Lệ H, địa chỉ: Số M đường BG, Phường T, thành phố V hai bị cáo cùng với T đã chiếm đoạt của chị H 280.000.000 đồng tiền mặt và 1000USD trị giá 23.085.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của chị H là 303.085.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào đêm ngày 10-9-2020, tại nhà của anh Nguyễn Văn Qu, địa chỉ: số B1 đường LPh, Phường B, thành phố V, hai bị cáo cùng với Phạm Văn T chiếm đoạt của anh Qu 01 xe mô tô hiệu Yamaha biển số 72C-313.56 trị giá 23.500.000 đồng, 01 máy tính xách tay hiệu Dell trị giá 7.500.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung A51 trị giá 2.750.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Vio (Hội đồng định giá từ chối định giá). Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của anh Qu là 33.750.000 đồng.

Vụ thứ ba: Rạng sáng ngày 13-9-2020, tại nhà hàng của anh Trần Duy Kh ở địa chỉ số S đường TrVB, Phường B1, thành phố V hai bị cáo và T đã chiếm đoạt của anh Kh số tiền 23.331.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 trị giá 1.500.000 đồng của anh Nguyễn Xuân Ch, là nhân viên nhà hàng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của anh Kh và anh Ch là 24.831.000 đồng.

Vụ thứ tư: Rạng sáng ngày 18-9-2020 tại nhà của chị Cao Thị H ở địa chỉ Số CB đường PCTr, Phường H, thành phố V hai bị cáo cùng T đã chiếm đoạt của chị Cao Thị H 01 chiếc Điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen trị giá 7.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung S7 màu đồng trị giá 4.500.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung M20 trắng trị giá 1.100.000 đồng, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Michael Kors màu đồng trị giá 500.000 đồng, 03 túi xách thời trang hiệu Coach (thực tế là 02 túi xách và 01 ví da để bên trong túi xách) trị giá 500.000 đồng cùng với số tiền 4.000.000 đồng bị chiếm đoạt. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 18.100.000 đồng.

Ngoài bốn vụ trộm cắp tài sản trên thì T2 cùng T thực hiện một vụ khác, như sau: Vào rạng sáng ngày 17-9-2020 tại phòng trọ của chị Nguyễn Thị Ánh Ch1 và Trần Thúy Ch2, địa chỉ: Số N đường NBKh, Phường ThT, thành phố V, bị cáo T2 và T đã chiếm đoạt được của chị Ch1 số tiền là 2.700.000 đồng, của chị Ch2 số tiền 3.800.000 đồng, một chiếc đồng hồ Apple watch trị giá 2.500.000 đồng, một điện thoại di động hiệu Iphone X trị giá 5.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của chị Ch2 và chị Ch1 là 14.500.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo T2 chiếm đoạt là 394.266.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị cáo T1 chiếm đoạt là 379.766.000 đồng.

Hành vi của bị cáo T1 và bị cáo T2 đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự đúng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V.

[3] Tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, gây tâm lý bức xúc cho nhân dân trong cộng đồng dân cư. Các bị cáo là người đã trưởng thành nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo T2 có nhân thân xấu. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn do không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này bị cáo T2 và T1 thực hiện với vai trò cảnh giới.

[5] Tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hai bị cáo đã trên 02 lần phạm tội trộm cắp tài sản nên áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội hai lần trở lên*” theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với hai bị cáo.

Bị cáo T1 đã bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích”, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên áp dụng tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo T2 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo không có nghề nghiệp, lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính nên áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Các Bị hại gồm anh Nguyễn Văn Qu, anh Trần Duy Kh, anh Nguyễn Xuân Ch và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thanh B, anh Đặng Đức Đ, chị Đ Thị Ngọc Tr, anh Trần Việt A không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.2] Các bị hại là anh Trịnh Văn H, chị Cao Thị H, chị Trần Thị Lệ H, chị Nguyễn Thị Ánh Ch1 và chị Trần Thị Thúy Ch2 yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt, cụ thể như sau:

Anh Trịnh Văn H, chị Cao Thị H yêu cầu bồi thường tổng số tiền là 18.100.000 đồng bao gồm: số tiền bị chiếm đoạt là 4.000.000 đồng và 14.100.000 đồng là tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo giá trị đã định.

Chị Trần Thị Lệ H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 300.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Ánh Ch1 yêu cầu bị cáo T2 bồi thường số tiền 2.700.000 đồng.

Chị Trần Thúy Ch2 yêu cầu bị cáo T2 bồi thường tổng số tiền 11.800.000 đồng bao gồm: số tiền bị chiếm đoạt là 3.800.000 đồng và 8.000.000đ đồng là tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo giá trị đã định.

Bị cáo T1 và bị cáo T2, mỗi bị cáo đồng ý bồi thường $\frac{1}{2}$ tổng giá trị tài sản các bị cáo cùng chiếm đoạt của chị H, anh H và chị H, bị cáo T2 đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị Ch1 và chị Ch2.

Xét, yêu cầu của các bị hại là hợp pháp và việc các bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại là tự nguyện, không vi phạm pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, bị cáo T1 phải có trách nhiệm bồi thường cho chị H số tiền 150.000.000 đồng, bồi thường cho chị Cao Thị H, anh Trịnh Văn H số tiền 9.050.000 đồng; bị cáo T2 có trách nhiệm bồi thường cho chị H số tiền 150.000.000 đồng, bồi thường cho chị Cao Thị H, anh Trịnh Văn H số tiền 9.050.000 đồng, bồi thường cho chị Ch1 số tiền 2.700.000 đồng, bồi thường cho chị Ch2 số tiền 11.800.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đôi 03 điện thoại di động: Một ĐTDĐ hiệu Samsung galaxy A20 màu đen, màn hình đã vỡ, số imel 1: 355039100248102/01, imel 2: 355040100248100/01;

Một ĐTDĐ hiệu Samsung galaxy J2, màu vàng, màn hình đã vỡ, imel 1: 354802/09/444473/5, imel 2: 354803/09444473/3 (theo imel phía sau); Một ĐTDĐ hiệu Samsung galaxy J2, màu vàng, màn hình đã vỡ, imel 1: 352405/09/916799/6, imel 2: 352406/09/916799/4 (theo imel phía sau) do anh Đ và anh B nộp cho Công an, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đang xác minh, chưa xác định được chủ sở hữu nên giao cho Công an thành phố V tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định.

Đối với 02 (Hai) giấy Hợp đồng cầm cố, có số 26993 và số 26893 là Hợp đồng cầm cố hai điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A20 và Samsung galaxy J2 do anh Đ nộp cùng vật chứng nêu trên cho cơ quan Công an nên giao cho Công an thành phố V xử lý theo quy định.

[8] Đối với Phạm Xuân T, cơ quan Cảnh sát điều tra đang xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của Pháp luật nên không xét.

Đối với anh Nguyễn Thanh B, anh Phạm Đức Đ và chị Đ Thị Ngọc Tr không biết tài sản các bị cáo mang đến cầm cố là tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm a Khoản 3 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g, h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Võ Minh T1** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Võ Minh T1 8 (Tám) năm 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 9 năm 2020.

2. Căn cứ: điểm a Khoản 3 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm b, g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Ngọc Tín** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc Tín 09 (Chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 9 năm 2020.

3. Trách nhiệm Dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585 và 586 Bộ luật Dân sự:

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T2 bồi thường cho các bị hại như sau:

- Bồi thường cho chị Trần Thị Lệ H số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

- Bồi thường cho anh Trịnh Văn H, chị Cao Thị H số tiền 9.050.000đ (*Chín triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*).

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ánh Ch1 số tiền 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm ngàn đồng*).

- Bồi thường cho chị Trần Thúy Ch2 số tiền 11.800.000đ (*Mười một triệu tám trăm ngàn đồng*).

3.2. Buộc bị cáo Võ Minh T1 bồi thường cho các bị hại như sau:

- Bồi thường cho chị Trần Thị Lệ H số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).
- Bồi thường cho anh Trịnh Văn H, chị Cao Thị H số tiền 9.050.000đ (*Chín triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*).

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Giao cho Công an thành phố V: 03 (Ba) điện thoại di động, gồm: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A20, màu đen, màn hình đã vỡ, số imel 1: 355039100248102/01, imel 2: 355040100248100/01; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J2, màu đen, imel 1: 354802/09/444473/5, số imel 2: 354803/09444473/3; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J2, màu vàng màn hình đã vỡ, imel 1: 352405/09/916799/6, số imel 2: 352406/09/916799/4 và 02 (Hai) giấy hợp đồng cầm cố có số 26993 và 26893.

(*Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V theo Biên bản giao nhận vật chứng số 98/BB.THA ngày 05 tháng 3 năm 2021*).

5. Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

5.1. Án phí Hình sự: Bị cáo T1 và bị cáo T2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*).

5.2. Án phí Dân sự: Bị cáo T1 phải nộp 7.953.000đ (*Bảy triệu chín trăm năm mươi ba ngàn đồng*), bị cáo T2 phải nộp 8.678.000đ (*Tám triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng*).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án (đối với người có mặt tại phiên tòa); tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (đối với người vắng mặt tại phiên tòa), để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Thi hành án dân sự thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Những người tham gia tố tụng; Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh

